

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định việc quản lý, sử dụng đất thao trường, bãi tập phục vụ cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao của lực lượng dân quân tự vệ và giáo dục quốc phòng - an ninh cho học sinh, sinh viên

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các điểm c, d, g, h và i khoản 5 Điều 2 Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 104/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng quy định việc quản lý, sử dụng đất thao trường, bãi tập phục vụ cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao của lực lượng dân quân tự vệ và giáo dục quốc phòng - an ninh cho học sinh, sinh viên như sau:

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc quản lý, sử dụng đất thao trường, bãi tập phục vụ cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao của

lực lượng dân quân tự vệ và giáo dục quốc phòng - an ninh cho học sinh, sinh viên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường; cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng gồm cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng; Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); Ban chỉ huy quân sự các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện); Ban chỉ huy quân sự cấp xã.

3. Người sử dụng đất; tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Đất thao trường là đất quốc phòng để xây dựng các công trình huấn luyện chiến đấu, phục vụ cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao có tổ chức bán đạn thật, sử dụng thuốc nổ của lực lượng quân đội, dân quân tự vệ và giáo dục quốc phòng - an ninh cho học sinh, sinh viên.

2. Đất bãi tập là đất sử dụng vào mục đích công cộng do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, sử dụng phục vụ cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao của lực lượng quân đội, dân quân tự vệ và giáo dục quốc phòng - an ninh cho học sinh, sinh viên.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp quản lý, sử dụng đất thao trường, bãi tập

1. Đất quốc phòng để làm thao trường được sử dụng chung cho các đơn vị quân đội, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng - an ninh cho học sinh, sinh viên trừ trường hợp đặc biệt do Bộ Quốc phòng quy định.

Việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng để làm thao trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trường hợp đất quốc phòng không đáp ứng đủ nhu cầu để phục vụ cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao của lực lượng dân quân tự vệ và giáo dục quốc phòng - an ninh cho học sinh, sinh viên,

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí đất để làm bãi tập và giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất quản lý, sử dụng theo kế hoạch của cơ quan quân sự địa phương đã được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt.

3. Việc quản lý, sử dụng đất bãi tập do Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý, sử dụng như sau:

a) Phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt;

b) Ngoài thời gian sử dụng vào mục đích làm bãi tập, Ủy ban nhân dân cấp xã được kết hợp tổ chức khai thác sử dụng quỹ đất này cho các mục đích công cộng khác của địa phương;

c) Việc khai thác sử dụng đất bãi tập cho các mục đích công cộng khác của địa phương không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao của lực lượng dân quân tự vệ và giáo dục quốc phòng - an ninh cho học sinh, sinh viên; không làm thay đổi kết cấu, biến dạng địa hình và cản trở các hoạt động sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao.

4. Trường hợp địa phương không có đủ quỹ đất để làm bãi tập, khi có nhu cầu, cơ quan quân sự địa phương các cấp được thỏa thuận thuê đất của người đang sử dụng để làm bãi tập và có trách nhiệm trả tiền thuê đất, tiền bồi thường thiệt hại cho người sử dụng đất do việc thuê đất gây ra (nếu có), trả lại đất thuê đúng thời hạn theo hợp đồng đã ký kết theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về dân sự.

Chương II **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT THAO TRƯỜNG, BÃI TẬP**

Điều 5. Rà soát hiện trạng, quy hoạch sử dụng đất quốc phòng làm thao trường

1. Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, các đơn vị sử dụng đất quốc phòng làm thao trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát hiện trạng, quy hoạch sử dụng đất quốc phòng làm thao trường trên địa bàn tỉnh; đề xuất nhu cầu sử dụng đất quốc phòng làm thao trường và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Quân khu, Bộ Quốc phòng.

2. Việc rà soát hiện trạng, quy hoạch sử dụng đất quốc phòng làm thao trường nêu tại khoản 1 Điều này phải xác định rõ vị trí, diện tích đất quốc phòng làm thao trường; vị trí, diện tích đất quốc phòng làm thao trường có khả năng sử dụng chung cho các lực lượng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng - an ninh cho học sinh, sinh viên.

3. Việc rà soát hiện trạng, quy hoạch và đề xuất nhu cầu sử dụng đất quốc phòng làm thao trường được thực hiện trong quá trình lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng.

Điều 6. Rà soát hiện trạng sử dụng đất bãi tập do Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý, sử dụng

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm rà soát việc sử dụng đất bãi tập và báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Bộ Chỉ huy quân sự và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất.

Nội dung rà soát phải xác định rõ vị trí, diện tích đất bãi tập được giao đang sử dụng đúng mục đích; vị trí, diện tích đất sử dụng không đúng mục đích và vị trí, diện tích đất bị lấn chiếm.

2. Căn cứ kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất bãi tập quy định tại khoản 1 Điều này, hiện trạng quỹ đất của địa phương và kế hoạch phục vụ cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao của lực lượng dân quân tự vệ và giáo dục quốc phòng - an ninh cho học sinh, sinh viên của cơ quan quân sự địa phương được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã đề xuất nhu cầu sử dụng đất bãi tập và tổng hợp vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã.

3. Việc rà soát hiện trạng và đề xuất nhu cầu sử dụng đất bãi tập được thực hiện trong quá trình lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã.

Điều 7. Việc giao đất để làm bãi tập

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nhu cầu sử dụng đất bãi tập đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt để quyết định giao đất bãi tập cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, sử dụng.

Điều 8. Chế độ báo cáo tình hình quản lý, sử dụng đất thao trường, bãi tập

1. Chế độ báo cáo tình hình quản lý, sử dụng đất thao trường thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định của Bộ Quốc phòng.

2. Chế độ báo cáo tình hình quản lý, sử dụng đất bãi tập giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, sử dụng và đất thuê của người đang sử dụng được thực hiện như sau:

a) Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng; cơ quan quân sự các cấp có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp về tình hình quản lý, sử dụng đất bãi tập giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, sử dụng và đất thuê của người đang sử dụng;

b) Thời gian báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 01 tháng 01 năm sau; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 15 tháng 01 năm sau; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 01 năm sau; báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Quốc phòng trước ngày 15 tháng 02 năm sau.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2010.

Điều 10. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Tư lệnh các Quân khu có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Thông tư này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc quản lý, sử dụng đất thao trường, bãi tập tại địa phương theo quy định tại Thông tư này.

3. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện; cán bộ địa chính cấp xã, Chỉ huy

trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc thì cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
QUỐC THỦ TRƯỞNG



Thượng tướng Nguyễn Văn Đương

KT. BỘ TRƯỞNG
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Mạnh Hiến

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Quốc phòng;
- Tổng TMT, các Phó TTMT;
- Bộ Tư lệnh các quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Website Bộ TN&MT;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP, Website BQP;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Sở TN&MT, Bộ CHQS các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT BTN&MT, BQP; PC, TCQLĐĐ, CDQTV 280b.

Handwritten initials/signatures